

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HS-ST.
Ngày 09/9/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cai Thành Minh
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phi H** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 12/02/1997 tại C, Gia Lai; số CCCD: 052097012587; ngày cấp: 13/01/2023; nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1971 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1971; Anh chị em ruột 02 người, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có;

- Tiền sự: không;

- Tiền án: Ngày 17/7/2019, Nguyễn Phi H bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định cũ (nay là Tòa án nhân dân KV3 – Gia Lai) xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo bản án số 23/2019/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/10/2019, nhưng chưa chấp hành xong phân trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại và chưa nộp án phí nên chưa được xóa án tích.

- Đặc điểm nhân thân:

- Ngày 30/3/2026, Nguyễn Phi H bị Trưởng Công an xã C, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” bằng hình thức phạt tiền; mức phạt: 3.500.000 đồng; đã nộp phạt ngày 23/4/2026.

- Ngày 28/8/2026 Nguyễn Phi H bị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai xử phạt 08 năm tù về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” (Theo bản án hình sự sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật số: 112/2026/HS-ST).

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam A (cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh G (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại*: Anh Đỗ Thanh N, sinh năm: 1998 (*có mặt tại phiên tòa*).

Số CCCD: 052098003151, ngày cấp: 29/9/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi cư trú: thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 2000 (*vắng mặt*).

Số CCCD: 052200009716, ngày cấp: 26/9/2024, nơi cấp: Bộ C2; nơi đăng ký cư trú: thôn K, xã T, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam H, thuộc Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H;

2. Anh Nguyễn Đắc L1, sinh năm: 2004 (*vắng mặt*).

Số CCCD: 052204013312, ngày cấp: 14/3/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi đăng ký cư trú: thôn K, xã T, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam A (cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh G;

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 2006 (*vắng mặt*).

Số CCCD: 064306002193, ngày cấp: 04/12/2024, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi đăng ký cư trú: thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G;

4. Anh Trương Hoàng H2, sinh năm: 1992 (*vắng mặt*).

Số CCCD: 052092024515, ngày cấp: 18/9/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi đăng ký cư trú: tổ G, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai.

5. Anh Từ Công T, sinh năm: 1998 (*có mặt tại phiên tòa*).

Số CCCD: 052098003247, ngày cấp: 11/8/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi đăng ký thường trú: thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký tạm trú: A Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai.

* *Người làm chứng*:

1. Anh Đặng Ngọc Trường C, sinh năm: 1999 (*vắng mặt*).

Số CCCD: 052099013931, ngày cấp: 13/5/2023; nơi cấp: Cục C1 – Bộ C2; nơi đăng ký cư trú: phường Q, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam Q thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G;

2. Chị Nguyễn Thị Phương U, sinh năm: 1996 (*có đơn xin vắng mặt*).

Số CCCD: 052195013007; ngày cấp: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2; nơi cư trú: G C, phường Q, Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 03/11/2025, sau khi đi chơi cùng nhau, Đỗ Thanh N, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn P, xã C, tỉnh G sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (loại xe Exciter) BSDK: 77E1 - 633.49, màu sơn trắng đỏ đen của N, chở Nguyễn Phi H về nhà và ngủ lại tại nhà của cha mẹ H thuộc thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/11/2025, trong lúc N đang ngủ, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên của N đem đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài nên đã gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2000, trú thôn K, xã T, tỉnh Gia Lai qua ứng dụng Messenger để hỏi Đ: “*Em biết chỗ nào cầm xe không có giấy tờ không?*”. Đ hỏi lại: “*Xe của ai vậy anh?*” thì Hoàng đáp: “*Xe của bạn anh*”. Đ hỏi: “*Xe loại gì, cầm bao nhiêu?*” thì H nói: “*Loại xe Exciter, cầm 05 triệu đồng*”. Đ trả lời: “*Vậy có gì anh với bạn chạy xe vô luôn*”. Do Đ không biết chỗ cầm cố xe nên bảo H chờ để hỏi thăm bạn. Đ sử dụng ứng dụng zalo gọi cho Nguyễn Đắc L1, sinh năm 2004; nơi cư trú: thôn K, xã T, tỉnh Gia Lai để hỏi L1: “*Bạn biết chỗ nào cầm xe không có giấy tờ không?*”, L1 hỏi lại Đ: “*Xe của ai, loại xe gì, cầm bao nhiêu?*” thì Đ nói “*xe của ông anh, loại xe Exciter 150cm³, cầm khoảng 04 đến 05 triệu đồng*”. L1 không biết nơi cầm cố xe nên nói với Đ: “*Để hỏi thử rồi gọi lại*”. Ngay sau đó L1 gọi cho bạn là Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 2006; nơi cư trú: thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai qua ứng dụng Messenger, nói rằng: “*Anh có chiếc Exciter 150, bạn anh cầm bốn triệu*”, H1 bảo L1: “*chụp hình gửi qua để H1 gửi qua cho ông anh*”. L1 nhắn tin qua ứng dụng Z bảo Đ chụp hình chiếc xe gửi qua cho L1 rồi L1 gửi qua cho H1 bằng ứng dụng Messenger. H1 nhận hình chiếc xe và nói chờ để H1 gửi hình cho ông anh xem rồi báo lại. Sau đó, H1 đã đưa hình chiếc xe cho Trương Hoàng H2, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ G, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai xem thì Hiệp đồng Ý cầm cố chiếc xe này nên H1 nhắn tin lại cho L1: “*Có gì sáng chạy xuống*”. L1 gọi lại hỏi Đ: “*Bạn đang ở đâu, chạy vô đây, có gì ở đây chơi với tôi sáng đi cầm xe*”.

Khoảng 02 giờ cùng ngày, Đ sử dụng ứng dụng M gọi điện cho H, nói rằng: “*Được rồi, anh chạy xe vô đi!*”. Lúc này thấy N vẫn đang nằm ngủ trên võng tại phòng khách, chìa khóa xe Nguyên để trên bàn nên H lén lút lấy chìa khoá rồi mở khóa xe của N đang dựng ngoài sân rồi điều khiển xe đến khu vực G thuộc xã T, tỉnh Gia Lai. Đến nơi, H gọi điện thoại cho Đ qua ứng dụng Messenger. Sau đó, H và Đ gặp nhau rồi cả hai cùng đến thôn K, xã T, tỉnh Gia Lai gặp L1. Tại đây, Đ nói với L1: “*Bạn coi giúp giùm ảnh (tức là H) cầm xe, có gì ảnh gửi tiền cho bạn uống nước*”. L1 nói: “*Thôi! chỗ anh em có gì đâu, tiền bạc làm gì, có gì để tui giúp giùm cho*”. Khi gặp nhau, L1 có nói với Đ người đồng ý cầm xe tên là H1 ở Q, nhưng hẹn đến sáng hôm sau nên cả ba người cùng đến nhà anh của L1 ở cùng thôn để ngủ.

Đến sáng ngày 04/11/2025, L1 gọi cho H1 qua ứng dụng Messenger hỏi: “*Giờ tụi anh chạy xuống được chưa?*” thì H1 gửi định vị GPS để L1 biết vị trí của H1 tại Toà nhà F. Lúc này, H nói với Đ và L1 đi cầm xe giúp cho H nên Đ điều khiển xe mô tô của Đ, còn L1 điều khiển xe mô tô của Nguyễn do Hoàng trộm được đến toà nhà F. Khoảng 06 giờ cùng ngày, L1 và Đ đến nơi hẹn rồi cùng chạy xe vào tầng hầm của tòa nhà này. H1 gửi số điện thoại của Đ qua cho H2 nên ngay sau đó H2 đã gọi đến số điện thoại của Đ để hẹn gặp nhau. Khi gặp L1 và Đ, H2 hỏi: “*xe của ai đây?*” thì L1 nói xe của bạn nhưng không có giấy tờ, L1 vừa nói vừa chỉ tay về phía Đ để H2 nhận cầm cổ mà không hỏi gì thêm về nguồn gốc xe. H2 hỏi lại L1: “*Em cầm xe bao nhiêu?*” thì L1 nói “*cho em cầm đỡ 05 triệu, em có việc, ít bữa nữa em lấy*”. H2 nói: “*xe này tàn quá, chắc anh cầm được 04 triệu, đóng lãi trước 300.000 đồng, sau 10 ngày nếu không trả lại tiền thì mất xe*”. L1 hỏi lại Đ: “*được không bạn?*”. Đ dùng ứng dụng M gọi cho H để nói rõ số tiền cầm cổ thì H đồng ý. Sau đó, Đ nói L1: “*cầm đi bạn*”. Hiệp đồng ý cầm xe nhưng không có sẵn tiền mặt nên Đ đã đưa cho Hiệp mã QR để H2 chuyển đến tài khoản của Đ 3.600.000 đồng và đưa 100.000 đồng tiền mặt. L1 giao xe và chìa khoá cho H2 giữ rồi cả hai quay về.

Do đợi chờ lâu, H gọi hỏi Đ: “*Em cầm được chưa, sao không chuyển tiền qua cho anh?*” thì Đ nói đang trên đường trở về; đồng thời, Đ hỏi ý kiến và được H đồng ý chuyển cho H 2.700.000 đồng (*gồm 1.900.000 đồng chuyển khoản và 800.000 đồng tiền mặt*), số tiền còn lại 1.000.000 đồng Đ giữ lại để trả tiền công của Đ và L1 (trong đó Đ nhận 800.000 đồng, còn L1 nhận 200.000 đồng). Số tiền này các đối tượng đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 06 giờ ngày 04/11/2025, N ngủ dậy không thấy xe, nghĩ rằng H đã lấy xe đi nên N gọi điện thoại cho H nhiều lần nhưng H không nhận cuộc gọi, đến khi N gọi được thì H nói xe đã mang đi cầm, để chuộc về trả lại. N yêu cầu trả lại xe nếu không sẽ báo Công an.

Ngày 05/11/2025, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên L1 chủ động liên lạc với Đ và cả hai thống nhất liên hệ lại với Nguyễn Thị Ngọc H1 đề nghị nhận cầm cổ thêm 1.000.000 đồng. Việc này L1 và Đ không hỏi ý kiến của H. Sau khi nhận được cuộc gọi và lời đề nghị của L1 cầm cổ thêm 1.000.000 đồng đối với chiếc xe trên, H1 nói lại với H2 và được Hiệp đồng ý. H2 yêu cầu L1 và Đ xuống Q để viết giấy nhận tiền. Khoảng 15 giờ đến 16 giờ ngày 05/11/2025, L1 và Đ đến Q liên lạc thì H1 hẹn gặp tại khu vực đường L. Tại đây, hai bên thống nhất giá cầm cổ chiếc xe là 5.000.000 đồng, L1 là người viết giấy mượn tiền ghi tên người mượn là Đ, L1 là người chứng kiến, cả hai cùng ký giấy và đưa lại cho H2 giữ. Lúc này, H2 chuyển qua tài khoản của H1 1.000.000 đồng để H1 giao tiền mặt cho L1. Sau khi nhận được tiền, L1 và Đ chia nhau mỗi người 500.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/11/2025, H gọi cho Đ qua ứng dụng M nói: “*Liên hệ với bên cầm xe để chuộc lại chứ chủ xe đòi báo Công an*”. Đ nói, L1 là người liên hệ bên cầm xe chứ Đ không biết; đồng thời Đ nói cho H biết: “*Bữa em với L1 có xuống lấy thêm 1 triệu đồng*”. H nói: “*làm gì thì làm, kiếm đưa đủ tiền cho tao để lấy xe ra*”.

chứ bên kia báo Công an là liên quan đến cả đám”. H và Đ tìm gặp L1 hỏi số điện thoại đã liên lạc, L1 nói “không nhớ số”. Lúc này Đ nhớ lại khi liên hệ cầm xe thì L1 đã mượn điện thoại của Đ để gọi nên Đ lục tìm trong nhật ký cuộc gọi rồi gọi vào số này thì có một người đàn ông bắt máy hỏi: “Ai vậy?”. Đ nói: “em là thằng hôm bữa xuống cầm chiếc Exciter anh 4 triệu nè”. Người này nói: “Giờ em lấy xe hay sao?” thì Đ trả lời: “Giờ em xuống lấy xe, 4 triệu có phát sinh gì nữa không anh?”. Người này nói lại: “Bốn triệu không có phát sinh gì nữa em” đồng thời nhắn tin lại cho Đ về thông tin chuyển khoản có tên chủ tài khoản là “TU CONG TOAI” (Tù Công T, sinh năm 1998, trú thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai). Do H và Đ không có tiền để thanh toán chuộc lại xe nên ngay sau đó H đến Công ty cổ phần T3; địa chỉ: A N, phường Q, tỉnh Gia Lai sử dụng dịch vụ đối ứng của Ngân hàng TMCP V (V1) chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản 19070389893012 (Ngân hàng TMCP V) do Từ Công Toại đứng tên chủ tài khoản. Sau khi chuyển tiền, Đ liên hệ lại với số điện thoại vừa gọi nhiều lần nhưng đều báo thuê bao không liên lạc được nên cả hai quay về và nói lại với L1. Lúc này L1 đã điện thoại và nhắn tin với H1 qua zalo, hỏi H1 rằng, vì sao đã nhận tiền chuộc xe mà không trả xe? H1 hỏi lại H2 và khẳng định với L1 rằng, H1 và H2 không nghe ai liên hệ để chuộc lại xe và không nhận khoản tiền nào để chuộc xe. Sau đó hai bên không liên lạc được với nhau, quá thời hạn thỏa thuận thì H2 đã sơn lại xe màu đen bạc. Do biển số đăng ký: 77E1-633.49 bị rơi nên H2 nhặt được biển số 81B1-183.77 gắn vào xe của N để sử dụng. Sau đó H2 đưa xe cho bạn là Đặng Ngọc Trường C, sinh năm 1999; cư trú 223/18 T, phường Q, tỉnh Gia Lai mượn đi lại. Ngày 12/12/2025, C bị bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên chiếc xe này bị Cơ quan điều tra tạm giữ. Thời điểm này Đỗ Thanh N vẫn không thấy H đem xe về trả nên đã báo cáo với Cơ quan Công an.

Ngày 07/3/2026, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã C có Bản kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTS, kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, số khung: RLCUG1010KY115059, số máy: G3D4E881471, màu trắng đỏ đen, BSKĐK: 77E1-633.49 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

Ngày 18/6/2026, Phòng K2 Công an tỉnh G ban hành Bản kết luận giám định số: 1281/KL-KTHS, kết luận xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter màu sơn đen bạc gửi giám định có số khung nguyên thủy RLCUG1010KY115059, số máy nguyên thủy G3D4E-881471, đúng với số máy, số khung của xe mô tô BSKĐK: 77E1-633.49 do Đỗ Thanh N đứng tên đăng ký chủ sở hữu.

* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ các vật chứng liên quan đến vụ án, gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe số 77000303, ghi tên chủ xe Đỗ Thanh N, hiệu YAMAHA, loại Exciter, số khung: RLCUG1010KY115059, số máy: G3D4E881471, màu trắng đỏ đen, BSKĐK: 77E1-633.49;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; loại xe Exciter; số khung: RLCUG1010KY115059; số máy: G3D4E881471, gắn biển kiểm soát 81B1-183.77; màu đen bạc, không có bửng chắn gió hai bên.

- Số tiền 3.700.000 đồng do bà Nguyễn Thị S là mẹ ruột của Nguyễn Phi H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả; trong đó, tiền bồi thường thiệt hại cho anh Đỗ Thanh N 1.000.000 đồng và hoàn trả tiền cầm cố cho Trương Hoàng H2 2.700.000 đồng; số tiền 1.300.000 đồng của Nguyễn Hữu Đ; 700.000 đồng của Nguyễn Đắc L1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để hoàn trả cho Trương Hoàng H2.

* Ngày 16/7/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại Đỗ Thanh N 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, số khung: RLCUG1010KY115059, số máy: G3D4E881471; đồng thời, trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bị hại Đỗ Thanh N (BL: 229).

- Đối với biển kiểm soát 81B1-183.77, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm chủ sở hữu phương tiện, đã xác định chiếc xe mô tô BSDK 81B1-183.77 có nguồn gốc là của ông Phan Văn K, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ B T, phường P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, ông K đã bán chiếc xe này cho người khác, nhưng không xác định được người mua và người mua cũng không làm thủ tục đăng ký chuyên quyền sở hữu xe. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xác định được chủ sở hữu chiếc xe này. Hiện nay, BSDK xe 81B1-183.77 đang tạm giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh G.

- Đối với điện thoại của Nguyễn Phi H đã bị tạm giữ trong vụ án “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” xảy ra ngày 08/3/2026 tại xã T, tỉnh Gia Lai nên không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Sau khi nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt và Giấy đăng ký xe, bị hại Đỗ Thanh N không yêu cầu bị cáo và Trương Hoàng H2 bồi thường thiệt hại do xe mô tô này đã bị thay đổi màu sơn, mất biển số đăng ký xe và 02 bửng chắn gió. Tuy nhiên, Nguyễn Phi H đã tác động gia đình, bà Nguyễn Thị S (mẹ H) đã tự nguyện nộp 1.000.000 đồng để khắc phục bồi thường một phần hậu quả cho Đỗ Thanh N và nộp lại số tiền 2.700.000 đồng để hoàn trả tiền cầm cố cho Trương Hoàng H2.

- Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu Đ đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.300.000 đồng; Nguyễn Đắc L1 đã tự nguyện nộp lại số tiền 700.000 đồng. Đây là những khoản tiền Đ và L1 hưởng lợi từ việc giúp bị cáo H đem xe của N đi cầm cố cho Trương Hoàng H2.

- Trương Hoàng H2 không yêu cầu Nguyễn Phi H, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đắc L1 trả lại số tiền 4.700.000 đồng. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm

phong và gửi vào Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng G, tỉnh Gia Lai (BL: 237-247).

- Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Công T thừa nhận mình là chủ số TK 19070389893012 (Ngân hàng V) đã nhận được 4.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ dịch vụ đối ứng của Ngân hàng TMCP V, mã giao dịch: 202511120000001007 vào lúc 10 giờ 38 phút ngày 12/11/2025, Cơ quan điều tra yêu cầu anh trả lại số tiền này, nhưng tính đến thời điểm hiện nay anh chưa trả lại số tiền trên cho bị cáo H.

Tại bản cáo trạng số: 72/CT-VKS-KV3, ngày 14/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự - năm 2015.

Tại phiên tòa, trong phần thủ tục tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phi H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS), không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H với mức án từ 15 đến 18 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tuyên buộc anh Từ Công T phải hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi H 4.000.000 đồng do hưởng lợi số tiền trên không có căn cứ pháp luật.

- *Về xử lý vật chứng:* Đối với số tiền 2.700.000 đồng mà bị cáo Hoàng tác Đ1 người thân gia đình khắc phục hậu quả do bị cáo đã gây ra. Bà Nguyễn Thị S (mẹ bị cáo) đã tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra 3.700.000 đồng để bồi thường cho bị hại Đỗ Thanh N 1.000.000 đồng và hoàn trả tiền cầm cố cho Trương Hoàng H2 2.700.000 đồng; Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Đắc L1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 2.000.000 đồng tiền hưởng lợi từ việc giúp bị cáo Nguyễn Phi H cầm cố xe mô tô BSDK: 77E1-633.49 cho Trương Hoàng H2. Tuy nhiên, Trương Hoàng H2 không yêu cầu trả lại số tiền 4.700.000 đồng nên Kiểm sát viên đề nghị HĐXX trích tịch thu sung công 4.700.000 đồng. Số tiền còn lại 1.000.000 đồng bồi thường cho bị hại Đỗ Thanh N.

Tại phiên tòa, trong phần trình bày lời tự bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Phi H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, nhưng đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo yêu cầu anh T1 Công Toại phải hoàn trả lại cho bị cáo 4.000.000 đồng mà anh T đã hưởng lợi từ dịch vụ đối ứng chuyển tiền nhằm vào tài khoản của anh T.

Tại cơ quan điều tra, bị hại Đỗ Thanh N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Phi H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Hoàng H2 bồi thường thiệt

hại, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh N ghi nhận thiện chí bồi thường thiệt hại của bị cáo H nên xin nhận 1.000.000 đồng mà bà S đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Công T không đồng ý hoàn trả lại 4.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Phi H vì cho rằng, bị cáo H tự nguyện sử dụng dịch vụ đối ứng của Ngân hàng TMCP V1 chuyển khoản 4.000.000 đồng vào tài khoản của anh để thanh toán thay cho 04 người đàn ông đã sử dụng dịch vụ Massage tại Cơ sở kinh doanh dịch vụ Massage do anh làm quản lý trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo Nguyễn Phi H và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai có đủ căn cứ để kết luận, trong các giai đoạn tố tụng này, hành vi của những người tiến hành tố tụng và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo; các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tuân thủ chặt chẽ.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Trương Hoàng H2, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Nguyễn Đắc L1 đều vắng mặt, nhưng anh H2, chị H1 và anh L1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ Nguyễn Hữu Đ hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Phân trại tạm giam H thuộc trại tạm giam số 2 – Công an T. Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Hữu Đ đã có nhiều lời khai trình bày rõ về diễn biến của vụ án và đã tự nguyện giao nộp lại đầy đủ số tiền mà Đ hưởng lợi từ việc giúp bị cáo H cầm cố xe cho Trương Hoàng H2. Xét thấy, việc trích xuất Nguyễn Hữu Đ từ Phân trại tạm giam H thuộc trại tạm giam số 2 – Công an T đến Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai để tham gia phiên tòa gặp nhiều khó khăn, trở ngại và sự vắng mặt của Nguyễn Hữu Đ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trên theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Phi H đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của mình đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố. Lời khai nhận tội của

bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại Đỗ Thanh N, lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đắc L1, Trương Hoàng H2, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Từ Công T, lời khai những người làm chứng Nguyễn Thị Phương U, Đặng Ngọc Trường C; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Phi H và bị hại Đỗ Thanh N là bạn bè của nhau. Khoảng 23 giờ ngày 03/11/2025, sau khi đi chơi cùng nhau, N sử dụng xe mô tô BSDK 77E1 - 633.49 chở H về và ngủ lại tại nhà của cha mẹ của H thuộc thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai. Lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác khi N đang ngủ, H đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe nêu trên đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Vì không biết nơi tiêu thụ, trước khi lén lút chiếm đoạt chiếc xe của N, H đã điện thoại nhờ Nguyễn Hữu Đ giúp đỡ chỉ dẫn nơi cầm cố và Đ nhờ lại Nguyễn Đắc L1 chỉ dẫn. Khoảng 6 giờ sáng ngày 04/11/2025 Đ và L1 giúp bị cáo Nguyễn Phi H đem chiếc xe này cầm cố cho Trương Hoàng H2 được 4.000.000 đồng, H2 lấy trước tiền lãi 300.000 đồng, số tiền còn lại 3.700.000 đồng Hiệp chuyển khoản 3.600.000 đồng và thanh toán tiền mặt cho Đ 100.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe cho H2, giữa Đ và H thỏa thuận: H hưởng lợi 2.700.000 đồng; trích 1.000.000 đồng để trả tiền công cho Đ 800.000 đồng và trả cho L1 200.000 đồng. Theo Bản kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTS ngày 07/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã C, tỉnh Gia Lai, chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, số khung RLCUG1010KY115059, số máy G3D4E881471, màu trắng đỏ đen, gắn biển số 77E1-633.49 là tài sản thuộc sở hữu của anh Đỗ Thanh N có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

[2.2] Hành vi nêu trên của Nguyễn Phi H thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Vì vậy, cáo trạng số 72/CT-VKS-KV3, ngày 14/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi H về tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét Nguyễn Phi H là người có đầy đủ năng lực, sức khỏe để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Tuy nhiên, vì động cơ muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, lợi dụng đêm khuya và sự thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc nêu trên của Đỗ Thanh N đi cầm cố, giá trị tài sản chiếm đoạt được xác định là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải áp dụng chế tài hình sự thật nghiêm khắc mới có ý nghĩa giáo dục, cải tạo đối với chính bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Phi H là người có lý lịch nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về tội: “*Cố ý gây thương tích*” nhưng chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy

định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Với bản chất chây lười lao động, giao du với nhiều đối tượng xấu ngoài xã hội để dần thân vào con đường tệ nạn xã hội, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 30/3/2026, Nguyễn Phi H bị Trưởng Công an xã C, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tiếp đến ngày 28/8/2026 H bị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xử phạt 8 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” (Theo bản án số: 112/2026/HS-ST, chưa có hiệu lực pháp luật).

Tuy nhiên, HĐXX cũng thấy rằng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về diễn biến vụ án và hành vi phạm tội; tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động gia đình giao nộp 3.700.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả thiệt hại do bị cáo gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để HĐXX áp dụng khi cân nhắc lượng hình, quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, nhưng có tính chất khoan hồng của pháp luật để bị cáo an tâm cải tạo trong quá trình chấp hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong giai đoạn điều tra, người bị hại Đỗ Thanh N đã nhận lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Hoàng H2 bồi thường thiệt hại do xe mô tô đã bị thay đổi màu sơn, mất biển số đăng ký và 02 bình chắn gió. Tuy nhiên, Nguyễn Phi H đã tác động gia đình và được bà Nguyễn Thị S (mẹ H) tự nguyện nộp thay cho H 1.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để bồi thường một phần hậu quả thiệt hại cho Đỗ Thanh N. Tại phiên tòa, anh N ghi nhận thiện chí bồi thường của bị cáo và yêu cầu được nhận 1.000.000 đồng trong số tiền 3.700.000 đồng bà S tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra. Yêu cầu của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Công T không đồng ý hoàn trả lại 4.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo H vì cho rằng, bị cáo H tự nguyện sử dụng dịch vụ đối ứng của Ngân hàng TMCP V1 chuyển khoản 4.000.000 đồng vào tài khoản của anh để thanh toán thay cho 04 người đàn ông đã sử dụng dịch vụ Massage trước đó tại Cơ sở kinh doanh do anh làm quản lý. Tuy nhiên, bị cáo H không thừa nhận quan hệ chuyển nghĩa vụ thanh toán như anh T trình bày. Anh T cũng không cung cấp được thông tin 04 người đàn ông sử dụng dịch vụ Massage là ai? không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh rằng, giữa các bên đã thống nhất thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận, việc anh T được lợi về tài sản đối với số tiền 4.000.000 đồng nêu trên là không có căn cứ pháp luật. Do đó, bị cáo H yêu cầu anh T hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[5.2] Xử lý vật chứng của vụ án:

- Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Hoàng tác Đ1 gia đình trả lại tiền cầm cố xe cho anh Trương Hoàng H2, bà Nguyễn Thị S (mẹ bị cáo) đã nộp thay tại Cơ quan điều tra 2.700.000 đồng; Nguyễn Đắc L1 và Nguyễn Hữu Đ tự nguyện giao nộp lại 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên được Cơ quan điều tra niêm phong, gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng giao dịch số C, tỉnh Gia Lai. Lẽ ra, số tiền này sẽ được hoàn trả lại cho anh Trương Hoàng H2, nhưng anh H2 không yêu cầu. Xét đây là số tiền H, Đ và L1 thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo H nên xét tịch thu sung công là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS.

- Đối với biển kiểm soát xe mô tô: 81B1-183.77 hiện đang giữ, bảo quản tại Cơ quan CSDT – Công an tỉnh G: Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, xác định được chiếc xe mô tô BSDK 81B1-183.77 có nguồn gốc là của ông Phan Văn K, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ B T, phường P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, ông K đã bán chiếc xe này cho người khác bằng giấy viết tay, không xác định được người mua chiếc xe này; người mua cũng không làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sở hữu chiếc xe nên Cơ quan điều tra không xác định được. Vì vậy, HĐXX xét tịch thu tiêu hủy biển số đăng ký xe nêu trên là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác: Trong vụ án này, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đắc L1 có hành vi giúp bị cáo H cầm cố xe mô tô biển số 77E1-633.49 của Đỗ Thanh N; Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Hoàng H2 có hành vi nhận cầm cố chiếc xe này, nhưng cả Đ, L1, H2, H1 đều không biết chiếc xe này do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng có tên trên về tội: *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* là phù hợp với quy định tại Điều 323 của BLHS.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự - năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Nguyễn Phi H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; anh Từ Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 46, 47, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự - 2015;

- Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 106 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự - 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

3.1. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 166, 589 của Bộ luật Dân sự.

- Trích 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) trong số 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) đựng trong 01 (*một*) bì thư bằng giấy được dán kín niêm phong, có đóng 02 dấu tròn của Công an xã C và chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Duy D, Khổng Văn T2 và bà Nguyễn Thị S hiện đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng giao dịch số C, tỉnh Gia Lai để bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Đỗ Thanh N.

(Theo Công văn gửi tiền là vật chứng số: A 436/VPCQCSĐT ngày 25/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G và Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản để bảo quản số 01/BBBQ-VPCQCSĐT ngày 30/6/2026).

- Buộc anh Từ Công T phải hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi H 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

3.2. *Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:*

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/năm) tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3.3. *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu sung công đối với số tiền 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) trong số tiền 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) đựng trong 01 (*một*) bì thư bằng giấy được dán kín niêm phong, có đóng 02 dấu tròn của Công an xã C và chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Duy D, Khổng Văn T2 và bà Nguyễn Thị S hiện đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng giao dịch số C, tỉnh Gia Lai.

- Tịch thu sung công đối với số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) đựng trong 01 (*một*) bì thư bằng giấy được dán kín niêm phong, có đóng 02 dấu

tròn của Công an xã C và chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Duy D, Võ Mạnh P và Nguyễn Đắc L1 hiện đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng giao dịch số C, tỉnh Gia Lai.

- Tịch thu sung công đối với số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) đựng trong 01 (*một*) bì thư bằng giấy được dán kín niêm phong, có đóng 02 dấu tròn của Công an xã C và chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Duy D, Đoàn Văn K1 và Nguyễn Hữu Đ hiện đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng giao dịch số C, tỉnh Gia Lai.

(Theo Công văn gửi tiền là vật chứng số: A 436/VPCQCSĐT ngày 25/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G và Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản để bảo quản số 01/BBBQ-VPCQCSĐT ngày 30/6/2026).

- Tịch thu tiêu hủy biên số xe mô tô: 81B1-183.77 hiện đang tạm giữ, bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa ông Hà Thế A và ông Nguyễn Duy D và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu giữa Điều tra viên Nguyễn Duy D và bị hại Đỗ Thanh N lập cùng ngày 16/7/2026).

4. Về án phí:

4.1. Án phí HSST: Buộc bị cáo Nguyễn Phi H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4.2. Án phí DSST: Buộc anh Từ Công T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GD KTr, TTr & THA
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng HSNV - CA T. Gia Lai;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Gia Lai;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền